

Số: 246/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024”; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 và số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024, số 194/NQ-HĐND ngày 11/10/2024, số 214/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 617/TTr-UBND ngày 07/11/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 94.598 triệu đồng

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 86.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu của 02 công trình: (1) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí là 26.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng; (2) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí 60.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: HĐND Tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố Uông Bí là 86.000 tỷ đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 8.598 triệu đồng từ nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên của 03 công trình và 05 nhiệm vụ quy hoạch: (1) Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí là 1.498 triệu đồng; (2) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 3.600 triệu đồng; (3) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 500 triệu đồng; (4) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phân khu J) là 600 triệu đồng; (5) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 370 triệu đồng; (6) Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 1.300 triệu đồng; (7) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 400 triệu đồng; (8) Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí là 330 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên bố trí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 40.772 triệu đồng

2.1. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 14.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho 02 công trình: (1) Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí là 8.000 triệu đồng; (2) Trường mầm non Phương Nam phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí là 6.000 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: HĐND Tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ đầu tư cho 2 trường.

2.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 26.772 triệu đồng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2023 chuyển sang dành cho đầu tư xây dựng và phân bổ cho 03 công trình và 05 nhiệm vụ quy hoạch: (1) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phân khu J) là 600 triệu đồng; (2) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 370 triệu đồng; (3) Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 1.300 triệu đồng; (4) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 400 triệu đồng; (5) Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí là 330 triệu đồng; (6) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 3.000 triệu đồng; (7) Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường

Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí là 8.772 triệu đồng; (8) Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí là 12.000 triệu đồng.

3. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:

a) *Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 12.950,541 triệu đồng của 07 công trình:* (1) Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí là 14,527 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 1.887,137 triệu đồng; (2) Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Cống khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 2.971,589 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 28,411 triệu đồng; (3) Chính trang tuyến đường Lừng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lừng Xanh, thành phố Uông Bí là 4.199,601 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 8.637,127 triệu đồng; (4) Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh là 1.239,805 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 8.860,195 triệu đồng; (5) Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 919,745 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 5.380,344 triệu đồng; (6) Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí là 3.263,178 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 3.736,822 triệu đồng; (7) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 342,096 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 4.657,904 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Công trình đã phê duyệt quyết toán và công trình đang triển khai thực hiện nhưng chưa có nhu cầu vốn trong năm 2024.

b) *Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 12.950,541 triệu đồng cho 05 công trình:* (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 342,096 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 59.342,096 triệu đồng; (2) Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 274,47 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 774,47 triệu đồng; (3) Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí là 7.401,805 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 13.901,805 triệu đồng; (4) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 1.532,17 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 4.560,245 triệu đồng; (5) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 3.400 triệu đồng; kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh là 5.880 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Công trình đang triển khai thực hiện, cần bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành.

II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh bổ sung là 307.716,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10.000 triệu đồng;
- Ngân sách Thành phố là 297.716,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 64.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 95.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 17.600 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 69.744,652 triệu đồng; (6) Nguồn kết dư ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD là 26.772 triệu đồng.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và HĐND Thành phố về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí;

- Định kỳ báo cáo Thường trực HĐND Thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo các Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo thực hiện dự án đảm bảo theo quy định.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ kể ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (B/c);
- Thường trực Thành ủy (B/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 246/NC-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho BTXD	Nguồn kết dư ngân sách năm 2023 dành cho BTXD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu			
									Tổng công	NS Tỉnh			NS Thành phố	NS Tỉnh										NS Thành phố		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
TỔNG CỘNG																										
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	92						1.664.707	1.614.298	649.970	964.328	923.227	912.632	472.990	439.642	307.717	10.000	297.717	95.000	17.600	24.600	69.745	26.772	64.000		
1	BQLĐA Đầu tư xây dựng	8						230.037	230.037	103.000	127.037	216.068	205.473	100.000	105.473	15.568		15.568	1.825			13.742				
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000	3.750			3.750	133		133	133.358			13.476				
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821	3.500			3.500	48		48	48.239							
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688	3.250			3.250	312		312	312.188							
4	Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thanh ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999	12.500			12.500	1.887		1.887			1.887.137					
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500	4.700			4.700	624		624	624.013							
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphat khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000	6.018			4.000	2.018		2.018			2.018.267					
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000	8.687			7.790	896		896			896.459					
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đốc độ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	171.297	163.882	100.000	63.882	8.153		8.153	707.662			7.445.473				
9	Khắc phục sự cố bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến công 5 cửa, khu Đà Bắc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8004744	799	312	11221	12/12/2022	4.406	4.406	3.000	1.406					1.229		1.229			1.229.077					
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460	2.366			2.100	266		266			266					
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460	2.366			2.100	266		266			265.968					
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2024	25						985.157	985.157	546.970	438.187	701.861	701.861	372.990	328.871	122.070	10.000	112.070	15.413	9.342	15.561	18.753	3.000	50.000		
1	BQLĐA Đầu tư xây dựng	24						568.187	568.187	130.000	438.187	328.871	328.871	0	328.871	112.070		112.070	15.413	9.342	15.561	18.753	3.000	50.000		
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000	21.300			21.300	28		28	28.411							
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 lần xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	289.758	130.000	159.758	206.768	206.768		206.768	59.342		59.342			9.342.096			50.000		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Trong đó		NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu									
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố						Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguyên tăng dự ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD		Nguyên tăng dự ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD								
A	B	C	1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưng Bi, thành phố Ưng Bi	1	7998646	799	074		7643/4096	30/12/2023	116.855	116.855			40.000	40.000			0		0							0					
4	Kê đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lán Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8016383	799	312		581	23/02/2023	1.038	1.038		1.038	813	813			174		174			173.623									Đã PDQT
5	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Ưng Bi	1	8019575	799	312		850	14/3/2023	2.866	2.866		2.866	2.245	2.245			250		250			250.443									Đã PDQT
6	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019573	799	312		858	14/3/2023	2.815	2.815		2.815	2.600	2.600			168		168			167.629									Đã PDQT
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019574	799	312		856	14/3/2023	982	982		982	900	900			13		13			13.235									Đã PDQT
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Ưng Bi - Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019692	799	312		857	14/3/2023	552	552		552	500	500			10		10			9.731									Đã PDQT
9	Chính trang tuyến đường Lưng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lưng Xanh, thành phố Ưng Bi	1	8035243	799	312		810	10/3/2023	49.767	49.767		49.767	26.945	26.945			8.637		8.637			5.353.280									
10	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước từ 32,33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Ưng Bi	1	8036363	799	312		3537	05/7/2023	4.943	4.943		4.943	4.000	4.000			774		774			774.470									
11	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Ưng Bi	1	8036365	799	371		3586	06/7/2023	1.594	1.594		1.594	1.200	1.200			300		300												
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Ưng Bi	1	8036366	799	292		3799	20/7/2023	7.607	7.607		7.607	3.100	3.100			3.000		3.000					3.000							3.000
13	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071		5209	17/10/2023	7.884	7.884		7.884	2.000	2.000			5.100		5.100												
14	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161		6213	06/11/2023	14.417	14.417		14.417	3.500	3.500			8.860		8.860			7.510.195									
15	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Ưng Bi	1	8053005	799	312		5210	17/10/2023	9.360	9.360		9.360	2.200	2.200			6.500		6.500					5.300							
16	Chính trang đường Phố Thanh Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Ưng Bi	1	8053004	799	312		5231	18/10/2023	13.565	13.565		13.565	3.500	3.500			9.800		9.800					8.100							
17	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052994	799	161		5117	12/10/2023	2.801	2.801		2.801	1.000	1.000			1.677		1.677												Đã PDQT
18	Kê chống sụt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052995	799	312		5189	16/10/2023	10.094	10.094		10.094	2.500	2.500			5.380		5.380			5.380.344									
19	Tuyến đường nội đồng của ông Bầu thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	1	8053025	799	292		4514	12/9/2023	1.058	1.058		1.058	700	700			300		300			300									
20	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	8052998	799	292		5041	09/10/2023	347	347		347	200	200			100		100												
21	Tuyến đường nội đồng Mối Mầu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	8052999	799	292		5042	09/10/2023	648	648		648	400	400			200		200												

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng phúc đầu tư	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó			NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu			
									NS Tỉnh	NS Thành phố	TỔNG CỘNG			NS Tỉnh	NS Thành phố						NS Tỉnh	NS Thành phố	TỔNG CỘNG				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
22	Tuyến đường của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414	414			300	300		300	100		100								
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147	1.147			700	700		700	356		356		356,198						
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vạng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676	2.676			1.500	1.500		1.500	1.000		1.000		1.000						
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	I						416.970	416.970	416.970			372.990	372.990		372.990	10.000	10.000									
I	Bãi thương, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	I	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970	416.970			372.990	372.990		372.990	10.000	10.000									
	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	46						425.715	375.306	375.306			1.200	1.200		1.200	160.536	160.536	71.218	8.258	9.039	37.249	20.772	14.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	16						375.306	375.306	375.306			1.200	1.200		1.200	133.487	133.487	71.218	8.258	9.039	10.201	20.772	14.000			
1	Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000	65.000			400	400		400	38.772	38.772	30.000				8.772				
2	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000	9.000			400	400		400	3.737	3.737			3.736,822						
3	Sửa chữa kẻ suối Vạng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vạng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920	920							900	900									
4	Chính trang đô thị tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719	3.719							3.000	3.000	3.000								
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662	12.662							13.902	13.902	9.500		4.401,805						
6	Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000	60.000			400	400		400	40.600	40.600	28.600				12.000				
7	Xử lý sạt lở mái taluy đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424	10.424							4.658	4.658	4.657,904								
8	Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí	1	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600	14.600	14.600							6.000	6.000						6.000			
9	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000	11.000							358	358				358,485					
10	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HEND&UBND thành phố Uông Bí	1	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	146.975	146.975																	
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Đẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8093284	799	292	3848	18/7/2024	5.000	5.000	5.000							4.560	4.560	118,075				4.442,170				

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Giá trị khởi lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng chi ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	Nguồn kết dư ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu						
										NS Tỉnh	NS Thành phố																			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
12	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	8093285	799	292	3846	18/7/2024	13.000	13.000	13.000						620		620		620										
13	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8093286	799	074	3842	18/7/2024	10.100	10.100	10.100						8.390		8.390		390					8.000					
14	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên Đoàn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	312	3841	18/7/2024	9.325	9.325	9.325						5.880		5.880		480		5.400								
15	Cải tạo, sửa chữa Tru sở chính BOL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8111660	799	341	4587	09/9/2024	2.732	2.732	2.732						1.510		1.510		1.510										
16	Hệ thống bán, soát vé đến từ phi tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử, thành phố Uông Bí	1	8111659	799	161	4814	04/10/2024	850	850	850						600		600		600										
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	30						50.409								27.048		27.048								PH02				
D	VON CHUAN BI DAU TU, NHIEM VU QUY HOACH	12						23.797	23.797	23.797		4.098	4.098	4.098	4.098	9.543		9.543	6.543			27.048	3.000							
1	Cải tạo, chỉnh trang cốt đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670	670	670		298	298	298	298	143		143		143										
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	619	332	2536	17/8/2023	5.878	5.878	5.878		1.800	1.800	1.800	1.800	1.600		1.600	1.600											
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	619	332	3087	16/6/2023	525	525	525		200	200	200	200	300		300	300											
4	Quy hoạch nui giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	619	332	3614	07/7/2023	1.107	1.107	1.107		300	300	300	300	600		600	600											
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	619	332	3587	06/7/2023	3.653	3.653	3.653		1.200	1.200	1.200	1.200	1.500		1.500	1.500											
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí của ngõ Thành phố	1	8059069	619	332	5299	20/10/2023	793	793	793		300	300	300	300	400		400	400											
7	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (Phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8098495	619	332	3308	14/6/2024	4.964	4.964	4.964						2.000		2.000	2.000											
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1	8098493	619	332	3309	14/6/2024	1.608	1.608	1.608						600		600	600				600							
9	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phần khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8098497	619	332	3310	14/6/2024	946	946	946						370		370	370				370							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn		Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Từ	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó		NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
										NS Tỉnh	NS Thành phố											NS Tỉnh	NS Thành phố		NS Tỉnh	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
10	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098498	619	332	2289	08/4/2024	2.700	2.700	2.700	2.700					1.300	1.300						1.300			
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098170	619	332	1216	01/4/2024	545	545			545				400	400						400			
12	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8098171	619	332	2209	02/4/2024	408	408			408				330	330						330			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI

(Kèm theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	30						50.409	27.048,336	
	UBND phường Quang Trung	1						2.817	1.500	
1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161	4813	04/10/2024	2.817	1.500	
	UBND phường Thanh Sơn	1						4.675	3.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	4396; 5108	23/8/2024; 28/10/2024	4.675	3.500	
	UBND phường Yên Thanh	2						5.495	2.700	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	161	4335; 5005	16/8/2024; 22/10/2024	2.695	1.200	
	UBND phường Phương Đông	2						2.929	1.400	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	161	4366; 5004	20/8/2024; 22/10/2024	1.750	600	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	341	4339	19/8/2024	1.179	800	
	UBND phường Phương Nam	2						2.411	1.250	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	161	4350; 5003	20/8/2024; 22/10/2024	1.611	700	
	UBND phường Trung Vương	9						15.443	8.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	161	4336; 4969	16/8/2024; 21/10/2024	3.502	2.000	
	UBND phường Nam Khê	1						959	600	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7171185	760	161	4337; 5006	16/8/2024; 22/10/2024	959	600	
	UBND phường Bắc Sơn	1						2.135	1.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	161	4306; 4966	15/8/2024; 21/10/2024	2.135	1.500	
	UBND phường Vàng Danh	10						9.962	4.800	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cụt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161	4305; 5023	15/8/2024; 24/10/2024	2.751	900	
	UBND xã Thượng Yên Công	1						3.582	1.598	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	161	4526; 5107	29/8/2024; 28/10/2024	3.582	1.598,336	